

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

Lớp: **TKD21B1** Năm học: **21-22**  
Mã môn học/ Mô đun: **MH03152** Học kỳ: **01**  
Tên môn học/ Mô đun: **Lý thuyết tài chính tiền tệ**  
Số tín chỉ: **3**

| STT | MSHS       | Họ tên                | Ngày sinh  | Hệ số 1 |  |   |   | Hệ số 2 |   |  |  | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MD |
|-----|------------|-----------------------|------------|---------|--|---|---|---------|---|--|--|-------|-------|------------|
| 1   | 21BTKD0089 | Trà Thị Minh Anh      | 01/10/2006 |         |  | 9 | 8 | 7       | 8 |  |  | 7.0   |       | 7.3        |
| 2   | 21BTKD0090 | Lý Hồng Cẩm           | 14/09/1999 |         |  | 8 | 9 | 9       | 8 |  |  | 7.0   |       | 7.6        |
| 3   | 21BTKD0091 | Phan Nguyễn Huy Đức   | 20/01/2006 |         |  | 6 | 9 | 6       | 7 |  |  | 0.0   | 0.0   | 2.7        |
| 4   | 21BTKD0092 | Nguyễn Văn Thanh Hiếu | 16/05/2006 |         |  | 7 | 9 | 8       | 8 |  |  | 5.5   |       | 6.5        |
| 5   | 21BTKD0093 | Võ Văn Hòa            | 26/05/2005 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 6   | 21BTKD0094 | Nguyễn Thị Như Huỳnh  | 07/01/2006 |         |  | 8 | 7 | 7       | 7 |  |  | 7.0   |       | 7.1        |
| 7   | 21BTKD0095 | Phan Thị Ánh Huỳnh    | 24/01/2005 |         |  | 9 | 8 | 8       | 8 |  |  | 0.0   | 0.0   | 3.3        |
| 8   | 21BTKD0096 | Đoàn Thanh Kha        | 11/08/2004 |         |  | 8 | 8 | 7       | 8 |  |  | 6.0   |       | 6.7        |
| 9   | 21BTKD0097 | Nguyễn Gia Kiệt       | 22/10/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 10  | 21BTKD0098 | Huỳnh Trúc Linh       | 22/02/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 11  | 21BTKD0099 | Nguyễn Thị Bích Lua   | 18/03/2005 |         |  | 9 | 8 | 9       | 7 |  |  | 5.0   |       | 6.3        |
| 12  | 21BTKD0100 | Phan Trung Nguyên     | 25/03/2006 |         |  | 9 | 9 | 8       | 9 |  |  | 5.0   |       | 6.5        |
| 13  | 21BTKD0101 | Trần Bửu Quốc         | 20/04/2004 |         |  | 9 | 9 | 8       | 9 |  |  | 7.5   |       | 8.0        |
| 14  | 21BTKD0102 | Trần Quốc Quy         | 26/03/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 15  | 21BTKD0103 | Nguyễn Huỳnh Anh Thư  | 03/06/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 16  | 21BTKD0104 | Tăng Thái Tú          | 07/06/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 17  | 21BTKD0105 | Nguyễn Thị Bích Vi    | 01/03/1998 |         |  | 9 | 8 | 9       | 8 |  |  | 0.0   | 0.0   | 3.4        |
| 18  | 21BTKD0106 | Đinh Thị Tường Vy     | 22/11/2006 |         |  | 8 | 8 | 8       | 7 |  |  | 0.0   | 0.0   | 3.1        |
| 19  | 21BTKD0107 | Nguyễn Lê Như Ý       | 13/07/2006 |         |  | 6 | 8 | 9       | 7 |  |  | 7.0   |       | 7.3        |
| 20  | 21BTKD0335 | Trương Hồng Lộc       | 17/02/2003 |         |  | 7 | 7 | 8       | 7 |  |  | 5.5   |       | 6.2        |

Châu Đốc, ngày 28 tháng 9 năm 2022

**TP. Đào tạo**

**Giáo viên giảng dạy**

**Ths. Trần Thanh Dũng**

**Lê Thị Huỳnh Như**